`TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Sang**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24/01/2025
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phước;

2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Vinh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Thiên Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2024/TLST- HNGĐ, ngày 08/10/2024 về *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST – HN ngày 09/01/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hứa Thị Mỹ N, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xa L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh Cao Văn S, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị Hứa Thị Mỹ N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh S được mai mối tìm hiểu nhau khoảng một năm, vợ chồng chung sống với nhau vào năm 2012 nhưng không tổ chức cưới, đến năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến khoảng vài năm

gần đây anh S thường hay đi nhậu, mỗi lần nhậu anh S thường đánh nhau với bạn nhậu, về nhà thì gây gỗ với hàng xóm và với chị ngoài ra anh S giữ tiền không đưa chị sử dụng vào sinh hoạt gia đình và sinh hoạt cá nhân của chị. Chị và cha mẹ anh S động viên nhiều lần nhưng anh S vẫn không thay đổi, thời gian chung sống chị cũng bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, anh S động viên chị cũng cho anh S cơ hội sửa đổi nên đồng ý trở về chung sống trở lại, thời gian chung sống chị thấy anh S vẫn không thay đổi được nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ Tết năm 2021 cho đến nay. Từ khi chị bỏ đi anh S cũng thường xuyên động viên chị trở về để vợ chồng đoàn tụ chung sống trở lại nhưng chị kiên quyết không đồng ý trở về vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ tết năm 2021 cho đến nay.

Hiện nay chị N không còn tình cảm với anh S nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Cao Văn S.

- Về con chung: chị N và anh S chung sống có 01 con chung tên Cao Tuấn Đ, sinh ngày 26/03/2015. Chị N giao con chung cho anh S nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị N không cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay con đang sống với anh S.

- Về tài sản chung: chị N trình bày vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: chị N trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Cao Văn S đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh S vẫn vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký: Tại phiên toà Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 71, riêng bị đơn chưa thực hiện theo qui định tại điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hứa Thị Mỹ N được ly hôn với anh Cao Văn S. Về con chung: giao cháu Cao Tuấn Đ sinh ngày 26/03/2015 cho

anh S nuôi dưỡng sau khi ly hôn, anh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Hứa Thị Mỹ N yêu cầu ly hôn với anh Cao Văn S là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh S cư trú tại xã A, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Hứa Thị Mỹ N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Cao Văn S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tuy nhiên anh S vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh S.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Hứa Thị Mỹ N và anh Cao Văn S chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống với nhau xảy ra mâu thuẫn do anh S thường xuyên nhậu và gây gổ với bạn bè và người thân, ngoài ra vợ chồng còn mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc. Năm 2021 chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Thời gian sống ly thân anh S cũng động viên chị N trở về để vợ chồng chung sống trở lại nhưng chị N không đồng ý, hiện nay chị N không còn tình cảm với anh S vì vậy chị xin ly hôn với anh Cao Văn S.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, hạnh S. Trong thời gian chung sống, anh S thường nhậu gây gổ với bạn bạn bè và người thân, ngoài ra vợ chồng còn mâu thuẫn về tiền bạc, chị N và gia đình cũng động viên nhưng anh S vẫn không sửa đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ Tết năm 2021 cho đến nay, thời gian sống ly thân anh S có động viên chị N để vợ chồng chung sống trở lại nhưng chị N không đồng ý điều đó chứng tỏ rằng mâu thuẫn giữa chị N và anh S trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị N yêu cầu ly hôn với anh S là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hứa Thị Mỹ N được ly hôn với anh Cao Văn S.

[2.2] Về con chung: chị N và anh S chung sống với nhau có 01 con chung tên Cao Tuấn Đ, sinh ngày 26/03/2015. Chị N giao con cho anh S nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị không cấp dưỡng nuôi con. Anh S không có văn bản ý về yêu cầu của chị N. Hội đồng xét xử xét thấy từ lúc chị N và anh S sống ly thân thì cháu Đ do anh S chăm sóc nuôi dưỡng. Cuộc sống của cháu đã ổn định. Nguyện vọng của các cháu cũng muốn được sống cùng với anh S. Anh S cũng không có ý kiến gì về việc chị N giao cháu Đ cho anh nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của cháu Đ nên giao cháu Cao Tuấn Đ cho anh S nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp. Do chị N, anh S không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: chị N trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: chị N trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội. Chị Hứa Thị Mỹ N phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như đã phân tích trên là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Hứa Thị Mỹ N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hứa Thị Mỹ N được ly hôn với anh Cao Văn S.

Về con chung: giao cháu Cao Tuấn Đ, sinh ngày 26/03/2015 cho anh Cao Văn S trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị Hứa Thị Mỹ N không cấp dưỡng nuôi con (con đang sống với anh S).

Chị Hứa Thị Mỹ N có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị N trình bày tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị N trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Hứa Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp ngày 07/10/2024 theo biên lai số 0013571 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành được chuyển thành án phí chị N phải nộp.

6. Nguyên đơn chị Hứa Thị Mỹ N, bị đơn anh Cao Văn S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- UBND xã An Phú Thuận (Số 111 ngày ĐKKH: 29/12/2014);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Loan